

Họ và tên học sinh:.....

Câu 1: Hoà tan hoàn toàn 4,24gam Na₂CO₃ vào nước thu được dung dịch X. Cho từ từ đến hết từng giọt 20gam dung dịch HCl nồng độ 9,125% vào X và khuấy đều. Thể tích khí CO₂ thu được ở dktc là

- A. 0,224lít. B. 0,56lít. C. 2,24lít. D. 5,6lít.

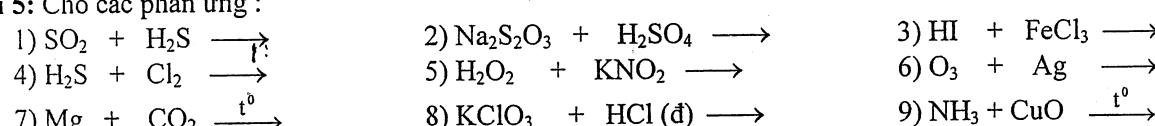
Câu 2: Hoà tan 4 gam hỗn hợp gồm Fe và kim loại M (hoá tri II, đúng trước hidro trong dây điện hoá) bằng dung dịch HCl dư thu được 2,24 lít khí H₂ ở dktc. Mặt khác để hoà tan 2,4 gam kim loại M cần phải dùng chưa đến 250ml dung dịch HCl 1M. Kim loại M đã cho là

- A. Ca. B. Mg. C. Ba. D. Zn.

Câu 3: Nhúng bốn thanh sắt nguyên chất vào bốn dung dịch sau: Cu(NO₃)₂, FeCl₃, CuSO₄+H₂SO₄, Pb(NO₃)₂. Số trường hợp xuất hiện sự ăn mòn điện hoá là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.
A. 84,7 gam. B. 145,2 gam. C. 36,3 gam. D. 96,8 gam.

Câu 5: Cho các phản ứng:



Số phản ứng tạo ra đơn chất là

- A. 6. B. 7. C. 8. D. 9.
A. 5. B. 6. C. 4. D. 3.

Câu 6: Cho các chất: C₂H₂, C₂H₄, C₂H₅OH, CH₃COOCH=CH₂, CH₂=CH-CH₂Cl, CH₃-CHCl₂. Số lượng chất tạo trực tiếp ra anđehit axetic bằng 1 phản ứng là

- A. 32,5kg và 20kg. B. 85,5kg và 41kg. C. 85kg và 40kg. D. 107,5kg và 40kg.

Câu 7: Muốn tổng hợp 60kg thuỷ tinh hữu cơ (plexiglat) thì khối lượng axit và ancol phải dùng lần lượt là (Biết hiệu suất quá trình este hoá và quá trình trùng hợp lần lượt là 60% và 80%).

- A. 1,568lít. B. 0,672lít. C. 1,344lít. D. 2,688lít.

Câu 9: Hai chất X, Y là đồng phân của nhau, đều có chứa vòng benzen và có công thức phân tử là C₇H₈O. Cả X, Y đều tác dụng với Na giải phóng H₂. Y không tác dụng với dung dịch Br₂. X phản ứng với nước brom theo tỷ lệ mol 1 : 3 tạo kết tủa X₁ (C₈H₅OBr₃). Các chất X và Y lần lượt là

- A. m - crezol và methyl phenyl ete. B. m - crezol và ancol benzyllic.
C. p - crezol và ancol benzyllic. D. o - crezol và ancol benzyllic.

Câu 10: Đốt cháy hoàn toàn 0,01mol một ancol no mạch hở Y cần 0,025mol O₂. Nếu oxi hoá 0,02mol Y thành anđehit (h=100%), rồi cho tác dụng hết với dung dịch AgNO₃/NH₃ dư thì số gam bạc thu được là

- A. 4,32gam. B. 6,48gam. C. 8,64gam. D. 2,16gam.

Câu 11: Cho các chất: Na₃PO₄; NaH₂PO₃; Na₂HPO₄; NaH₂PO₄; NaHS; Na₂S; NaCl; NaHSO₄; Na₂HPO₃; Na₂SO₄; NaHCO₃; Na₂CO₃. Số chất phản ứng được với cả dung dịch NaOH và dung dịch HCl là

- A. 4 chất. B. 5 chất. C. 6 chất. D. 7 chất.

Câu 12: Cho 24 gam Cu vào 400ml dung dịch NaNO₃ 0,5M; sau đó thêm tiếp 500ml dung dịch HCl 2M đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch X và V₁ lít khí không màu ở dktc. Mặt khác thêm dung dịch NaOH vào X đến khi kết tủa Cu²⁺ thấy thể tích dung dịch NaOH 0,5M tối thiểu đã dùng là V₂ lít. Giá trị V₁ và V₂ lần lượt là

- A. 4,48lít và 1,2lít. B. 5,6lít và 1,2lít. C. 4,48lít và 1,6lít. D. 5,6lít và 1,6lít.

Câu 13: Cho các chất: axetilen, vinylaxetilen, phenylaxetilen, anđehit fomic, axit fomic, glucozo, natri fomiat. Số chất khử được Ag⁺ trong [Ag(NH₃)₂]OH là

- A. 7 chất. B. 6 chất. C. 4 chất. D. 5 chất

Câu 14: Nhiệt phân hoàn toàn 0,05 mol FeCO₃ trong bình kín chứa 0,01 mol O₂ thu được chất rắn X. Để hoà tan hoàn toàn chất rắn X bằng dung dịch H₂SO₄ đặc, nóng thì số mol H₂SO₄ tối thiểu cần dùng là

- A. 0,08 mol. B. 0,09 mol. C. 0,05 mol. D. 0,075 mol.

Câu 15: Cho từ từ dung dịch X (chứa H⁺, Cl⁻, SO₄²⁻) vào dung dịch Y (chứa Na⁺, CO₃²⁻, OH⁻). Số phản ứng tối đa có thể xảy ra dạng ion thu gọn là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 16: Hợp chất X có công thức phân tử C₃H₅Cl₃. Thủy phân hoàn toàn X thu được chất Y. Biết rằng Y tác dụng được với Na giải phóng H₂ và Y có phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo của X là

- A. CH₃-CH₂-CCl₃. B. CH₂Cl-CHCl-CHCl. C. CH₃-CCl₂-CH₂Cl. D. CH₂Cl-CH₂-CHCl₂.

Câu 17: Đốt cháy hết một lượng chất hữu cơ X thu được 3,36 lít khí CO_2 ; 0,56 lít khí N_2 (các khí đo ở đktc) và 3,15 g H_2O . Khi X tác dụng với dung dịch NaOH thu được sản phẩm có muối $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COONa}$. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

- A. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{COO}-\text{C}_3\text{H}_7$. B. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{COO}-\text{CH}_3$. C. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CH}_2\text{COOH}$. D. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{COO}-\text{C}_2\text{H}_5$.

Câu 18: Hợp chất X là một α -amino axit trong phân tử chỉ chứa một nhóm $-\text{NH}_2$ và một nhóm $-\text{COOH}$. Lấy 4,12 gam X cho phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH tạo ra 5 gam muối. Công thức của X là

- A. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{CH}_2\text{COOH}$. B. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$.
C. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$. D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$.

Câu 19: Hỗn hợp M gồm 2 este đơn chức mạch hở X và Y hon kém nhau một nhóm CH_2 trong phân tử. Cho 6,7 gam hỗn hợp M tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch NaOH 1M thu được hỗn hợp 2 muối. Công thức của X, Y là

- A. HCOOCH_3 và HCOOC_2H_5 . B. HCOOC_2H_5 và $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.
C. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ và $\text{HCOOCH}=\text{CH}_2$. D. HCOOCH_3 và $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 20: Cho tất cả các đồng phân mạch hở, có cùng công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ lần lượt tác dụng với: Na, NaOH, NaHCO_3 . Số phản ứng xảy ra là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 21: Cho các dung dịch HCl , HNO_3 , NaOH , AgNO_3 , NaNO_3 . Nếu chỉ được dùng thêm thuốc thử duy nhất là đồng kim loại thì có thể nhận biết được bao nhiêu dung dịch trong số các dung dịch đã cho ở trên?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 22: Trộn 0,54 gam bột Al với Fe_2O_3 và CuO , rồi tiến hành phản ứng nhiệt nhôm trong điều kiện không có không khí, thu được hỗn hợp chất rắn X. Hòa tan X trong dung dịch HNO_3 thu được 0,896 lít hỗn hợp khí Y gồm NO_2 và NO ở đktc. Tỷ khối hơi của hỗn hợp Y so với H_2 là

- A. 17. B. 19. C. 21. D. 23.

Câu 23: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp gồm 9,75 gam Zn và 2,7 gam Al vào 200 ml dung dịch chira đồng thời HNO_3 2M và H_2SO_4 1,5M thu được khí NO (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch X chỉ gồm các muối. Cô cạn dung dịch X thu được khối lượng muối khan là

- A. 41,25 gam. B. 53,65 gam. C. 44,05 gam. D. 49,65 gam.

Câu 24: Dung dịch X chứa 0,375 mol K_2CO_3 và 0,3 mol KHCO_3 . Thêm từ từ dung dịch chứa 0,525 mol HCl vào dung dịch X được dung dịch Y và V lít CO_2 (đktc). Thêm dung dịch nước vôi trong dư vào Y thấy tạo thành m gam kết tủa. Giá trị của V và m là

- A. 3,36 lít; 17,5 gam. B. 8,4 lít; 52,5 gam. C. 3,36 lít; 52,5 gam. D. 6,72 lít; 26,25 gam.

Câu 25: Cho cân bằng sau: $2\text{X}(\text{k}) + \text{Y}(\text{k}) \leftrightarrow 2\text{Z}(\text{k})$ ($\Delta\text{H} < 0$).

Biện pháp nào sau đây cần tiến hành để cân bằng dịch chuyển theo chiều thuận?

- A. tăng áp suất chung, giảm t° của hệ. B. giảm nhiệt độ của hệ, giảm nồng độ chất X hoặc Y.
C. dùng chất xúc tác thích hợp. D. giảm áp suất chung, tăng nhiệt độ.

Câu 26: Có bao nhiêu phản ứng có thể xảy ra giữa axit fomic với lần lượt các chất: KOH, NH_3 , CaO , Mg, Cu, Na_2CO_3 , Na_2SO_4 , CH_3OH , $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$?

- A. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

Câu 27: Công thức của xenlulozo trinitrat là

- A. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{NO}_2)_3]_n$. B. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{ONO}_2)_3]_n$. C. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_3(\text{ONO}_2)_3]_n$. D. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_3(\text{NO}_2)_3]_n$.

Câu 28: Một hợp chất hữu cơ X mạch thẳng, có công thức phân tử là $\text{C}_3\text{H}_{10}\text{O}_2\text{N}_2$. Khi cho X tác dụng với kiềm tạo ra NH_3 và tác dụng với axit tạo ra muối amin bậc 1. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

- A. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{COOCH}_2-\text{NH}_2$. B. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COONH}_4$.
C. $\text{CH}_3-\text{NH}-\text{CH}_2\text{COONH}_4$. D. $(\text{CH}_3)_2\text{N}-\text{COONH}_4$.

Câu 29: Gọi tên hidrocacbon có công thức cấu tạo như sau: $\text{CH}_3-\text{CH}[\text{CH}(\text{CH}_3)_2]-\text{C}\equiv\text{C}-\text{CH}_2-\text{CH}_3$.

- A. 2-isopropylhex-3-in. B. 2,3-dimethylhept-3-in. C. 5,6-dimethylhept-3-in. D. 5-isopropylhex-3-in.

Câu 30: Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$ khi bị oxi hoá không hoàn toàn tạo ra sản phẩm Y có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Số chất thỏa mãn tính chất của X là

- A. 5 chất. B. 4 chất. C. 3 chất. D. 2 chất.

Câu 31: Cho dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ đến dư vào dung dịch X có chứa FeCl_2 ; FeCl_3 ; $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$ và CuSO_4 thu được kết tủa Y. Nung Y trong không khí đến khói lượng không đổi thu được chất rắn Z. Số lượng chất rắn có trong Z là

- A. 2 chất. B. 3 chất. C. 4 chất. D. 5 chất.

Câu 32: Dãy gồm các dung dịch có chứa các chất nào dưới đây đều có giá trị $\text{pH} < 7$?

- A. NaHSO_4 ; NaHCO_3 ; NaHS ; Na_2S . B. NH_4NO_3 ; $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$; Na_2SO_4 ; K_2SO_3 .
C. NH_4Cl ; $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$; CuCl_2 ; KHSO_4 . D. CH_3COOK ; $\text{C}_6\text{H}_5\text{COOK}$; K_2S ; KCl .

Câu 33: Cho 9,6 gam hỗn hợp kim loại Mg và Fe vào dung dịch H_2SO_4 du thấy thoát ra 6,72 lít H_2 (đktc). Mặt khác khi cho 9,6 gam hỗn hợp trên vào 500 ml dung dịch AgNO_3 1,5M đến phản ứng hoàn toàn thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 72,9 gam. B. 48,6 gam. C. 81 gam. D. 56,7 gam.

Câu 34: Cation X^{2+} có tổng số hạt cơ bản (p, n, e) bằng 80, trong đó tỉ số hạt electron so với hạt notron là 4/5. Vị trí của X trong bảng tuần hoàn là

- A. chu kỳ 4, nhóm IIA. B. chu kỳ 4, nhóm VIA.
C. chu kỳ 4, nhóm VIIIB. D. chu kỳ 4, nhóm IIB.

Câu 35: Có các thuốc thử sau: Cu, NaOH, HNO₃, H₂S, KI, KMnO₄ + H₂SO₄. Số thuốc thử có thể dùng để nhận biết 2 dung dịch FeSO₄ và Fe₂(SO₄)₃ đựng trong 2 lọ mắt nhẫn là

A. 4.

B. 3.

C. 5.

D. 6.

Câu 36: Đun nóng 7,6g hỗn hợp X gồm C₂H₂, C₂H₄ và H₂ trong bình kín với xúc tác Ni thu được hỗn hợp khí Y. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp Y, dẫn sản phẩm cháy thu được lần lượt qua bình 1 đựng H₂SO₄ đặc, bình 2 đựng Ca(OH)₂ dư thấy khối lượng bình 1 tăng 14,4g. Khối lượng bình 2 tăng lên là

A. 35,2gam.

B. 22gam.

C. 24,93gam.

D. 17,6gam.

Câu 37: Để trung hoà 8,3 gam hỗn hợp 2 axit đơn chức X, Y cần dùng vừa đủ 150 gam dung dịch NaOH 4%. Biết rằng axit có khối lượng phân tử nhỏ có số mol gấp 2 lần số mol của axit có khối lượng phân tử lớn hơn. Công thức phân tử của X và Y lần lượt là

A. CH₃COOH và C₂H₅COOH.

C. CH₃COOH và C₃H₇COOH.

B. HCOOH và CH₃COOH.

D. HCOOH và C₂H₅COOH.

Câu 38: Một este có công thức phân tử là C₄H₆O₂, khi thuỷ phân trong môi trường axit thu được dimetyl xeton.

Công thức cấu tạo thu gọn của este là

A. HCOOCH=CH-CH₃. B. HCOOC(CH₃)=CH₂. C. CH₃COOCH=CH₂. D. CH₂=CH-COOCH₃.

Câu 39: Đốt cháy hoàn toàn 0,336 lít (đktc) một ankadien liên hợp X sau đó hấp thụ hết sản phẩm cháy vào 400 ml dung dịch Ba(OH)₂ 0,15M thu được 8,865 gam kết tủa. Công thức phân tử của X là

A. C₃H₄.

B. C₄H₆.

C. C₅H₈.

D. C₃H₄ hoặc C₅H₈.

Câu 40: Trong một bình kín chứa hơi chất hữu cơ X (có dạng C_nH_{2n}O₂) mạch hở và O₂ (số mol O₂ gấp đôi số mol cần cho phản ứng cháy) ở 139,9°C, áp suất trong bình là 0,8atm. Đốt cháy hoàn toàn X sau đó đưa về nhiệt độ ban đầu, áp suất trong bình lúc này là 0,95 atm. Công thức phân tử của X là

A. C₂H₄O₂.

B. CH₂O₂.

C. C₄H₈O₂.

D. C₃H₆O₂.

Câu 41: Tiến hành điện phân 200ml dung dịch CuSO₄ với điện cực tro đến khi khối lượng dung dịch giảm 8 gam thì dừng lại. Dẫn khí H₂S dư vào dung dịch sau điện phân thấy có 4,8 gam kết tủa đen. Nồng độ mol/lít của dung dịch CuSO₄ ban đầu là

A. 0,875M.

B. 0,65M.

C. 0,75M.

D. 0,55M.

Câu 42: Một bình kín dung tích không đổi chứa hỗn hợp cùng thể tích khí N₂ và H₂ ở 0°C, 10atm. Sau khi tiến hành tổng hợp NH₃, đưa nhiệt độ bình về 0°C, áp suất trong bình là 9atm. Hiệu suất phản ứng tổng hợp NH₃ là

A. 10%.

B. 25%.

C. 20%.

D. 30%.

Câu 43: Cho các dung dịch sau: AgNO₃, CuSO₄, FeCl₂, Al₂(SO₄)₃, ZnSO₄, Ba(NO₃)₂, Fe(NO₃)₃. Khi cho dung dịch NH₃ đến dư lần lượt vào các dung dịch trên thì số dung dịch tạo kết tủa là

A. 6.

B. 5.

C. 3.

D. 4.

Câu 44: Điện phân 100ml dung dịch hỗn hợp gồm H₂SO₄ 0,5M và NaCl 0,5M với điện cực tro, màng ngăn xốp đến khi ở catot thoát ra 1,12 lít khí (đktc) thì dừng lại. Thể tích khí (đktc) thoát ra ở anot là

A. 1,12 lít.

B. 0,56 lít.

C. 0,784 lít.

D. 0,84 lít.

Câu 45: Dùng 100 tấn quặng có chứa 80% khối lượng là Fe₃O₄ (còn lại là tạp chất tro) để luyện gang (có 95% Fe về khối lượng) với hiệu suất quá trình là 93% thì khối lượng gang thu được là

A. 55,8 tấn.

B. 60,9 tấn.

C. 56,2 tấn.

D. 56,71 tấn.

Câu 46: Đốt cháy hoàn toàn một hỗn hợp X gồm hai anđehit no, mạch hở thu được số mol nước bằng đúng số mol hỗn hợp X đã phản ứng. Mặt khác khi cho 0,25 mol hỗn hợp X tác dụng với AgNO₃/NH₃ dư thu được m gam bạc. Giá trị của m là

A. 27gam.

B. 54gam.

C. 81gam.

D. 108gam.

Câu 47: Cho các chất sau: bạc axetilia; metan; 1,2-đicloetan; canxi cacbua; propan; etyl clorua; metanol; etanol; nhôm cacbua. Có bao nhiêu chất trong số các chất trên có thể điều chế được anđehit axetic bằng 2 phản ứng liên tiếp?

A. 5.

B. 6.

C. 7.

D. 8.

Câu 48: Hỗn hợp X gồm H₂, propan và propin (propan và propin có cùng số mol). Cho từ từ hỗn hợp X đi qua bộ Ni nung nóng đến phản ứng hoàn toàn thu được một chất khí duy nhất. Tỉ khối hoi của X so với H₂ là

A. 11.

B. 12.

C. 14.

D. 22.

Câu 49: Oxi hoá 12,8gam CH₃OH (có xúc tác) thu được hỗn hợp sản phẩm X gồm anđehit, axit và ancol dư. Chia hỗn hợp X thành hai phần bằng nhau. Phần 1 cho tác dụng với dung dịch AgNO₃/NH₃ dư thu được 64,8g bạc. Phần 2 phản ứng vừa đủ với 30ml dung dịch KOH 2M. Hiệu suất quá trình oxi hoá CH₃OH là

A. 37,5%.

B. 50%.

C. 75%.

D. 90%.

Câu 50: Đốt cháy hoàn toàn chất hữu cơ X thu được CO₂ và H₂O có số mol bằng nhau. Mặt khác khi thuỷ phân X trong môi trường axit được chất Y (tham gia phản ứng tráng gương) và chất Z (có số nguyên tử cacbon bằng một nửa số nguyên tử cacbon trong X). Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Chất Y tan vô hạn trong nước.

B. Đốt cháy hết 1mol X thu được 2mol CO₂ và 2mol H₂O.

C. Chất X thuộc loại este no, đơn chiurable.

D. Đun Z với H₂SO₄ đặc ở 170°C thu được anken.

.....Hết.....

Cho: H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85; Sr = 88; Ag = 108; Cs = 133; Ba = 137; N_A = 6,02.10²³.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHTN
Trường THPT Chuyên KHTN

ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC MÔN HÓA HỌC LỚP 12 – 1011

Ngày thi: 16-01-2011

Mã đề thi: 214

Câu 1: D.	Câu 2: D.	Câu 3: A.	Câu 4: C.	Câu 5: C.
Câu 6: D.	Câu 7: D.	Câu 8: D.	Câu 9: C.	Câu 10: D.
Câu 11: D.	Câu 12: C.	Câu 13: B.	Câu 14: B.	Câu 15: D.
Câu 16: B.	Câu 17: C.	Câu 18: A.	Câu 19: D.	Câu 20: C.
Câu 21: B.	Câu 22: C.	Câu 23: B.	Câu 24: D.	Câu 25: B.
Câu 26: B.	Câu 27: A.	Câu 28: C.	Câu 29: A.	Câu 30: C.
Câu 31: D.	Câu 32: D.	Câu 33: D.	Câu 34: B.	Câu 35: B.
Câu 36: D.	Câu 37: C.	Câu 38: A.	Câu 39: C.	Câu 40: C.
Câu 41: C.	Câu 42: B.	Câu 43: C.	Câu 44: A.	Câu 45: D.
Câu 46: A.	Câu 47: C.	Câu 48: B.	Câu 49: C.	Câu 50: B.

Mã đề thi: 236

Câu 1: C.	Câu 2: D.	Câu 3: C.	Câu 4: D.	Câu 5: D.
Câu 6: D.	Câu 7: C.	Câu 8: A.	Câu 9: D.	Câu 10: D.
Câu 11: B.	Câu 12: C.	Câu 13: D.	Câu 14: A.	Câu 15: C.
Câu 16: D.	Câu 17: B.	Câu 18: B.	Câu 19: C.	Câu 20: D.
Câu 21: D.	Câu 22: C.	Câu 23: A.	Câu 24: C.	Câu 25: A.
Câu 26: B.	Câu 27: B.	Câu 28: B.	Câu 29: C.	Câu 30: B.
Câu 31: B.	Câu 32: C.	Câu 33: C.	Câu 34: D.	Câu 35: C.
Câu 36: D.	Câu 37: B.	Câu 38: A.	Câu 39: D.	Câu 40: D.
Câu 41: A.	Câu 42: B.	Câu 43: C.	Câu 44: B.	Câu 45: C.
Câu 46: A.	Câu 47: D.	Câu 48: C.	Câu 49: B.	Câu 50: C.

Mã đề thi: 258

Câu 1: D.	Câu 2: D.	Câu 3: D.	Câu 4: A.	Câu 5: D.
Câu 6: C.	Câu 7: C.	Câu 8: D.	Câu 9: C.	Câu 10: D.
Câu 11: C.	Câu 12: A.	Câu 13: B.	Câu 14: B.	Câu 15: D.
Câu 16: C.	Câu 17: B.	Câu 18: D.	Câu 19: D.	Câu 20: C.
Câu 21: C.	Câu 22: C.	Câu 23: B.	Câu 24: B.	Câu 25: B.
Câu 26: D.	Câu 27: A.	Câu 28: A.	Câu 29: B.	Câu 30: C.
Câu 31: C.	Câu 32: A.	Câu 33: D.	Câu 34: D.	Câu 35: D.
Câu 36: B.	Câu 37: C.	Câu 38: C.	Câu 39: B.	Câu 40: D.
Câu 41: B.	Câu 42: B.	Câu 43: A.	Câu 44: C.	Câu 45: C.
Câu 46: A.	Câu 47: C.	Câu 48: C.	Câu 49: D.	Câu 50: B.

Mã đề thi: 270

Câu 1: A.	Câu 2: B.	Câu 3: C.	Câu 4: B.	Câu 5: C.
Câu 6: A.	Câu 7: D.	Câu 8: C.	Câu 9: B.	Câu 10: C.
Câu 11: B.	Câu 12: C.	Câu 13: C.	Câu 14: A.	Câu 15: C.
Câu 16: D.	Câu 17: B.	Câu 18: D.	Câu 19: D.	Câu 20: D.
Câu 21: D.	Câu 22: C.	Câu 23: A.	Câu 24: C.	Câu 25: A.
Câu 26: B.	Câu 27: B.	Câu 28: B.	Câu 29: C.	Câu 30: B.
Câu 31: B.	Câu 32: C.	Câu 33: A.	Câu 34: C.	Câu 35: D.
Câu 36: B.	Câu 37: D.	Câu 38: B.	Câu 39: C.	Câu 40: D.
Câu 41: C.	Câu 42: D.	Câu 43: C.	Câu 44: D.	Câu 45: D.
Câu 46: D.	Câu 47: C.	Câu 48: A.	Câu 49: D.	Câu 50: D.